THỰC TRẠNG CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐÀO TẠO Y KHOA LIÊN TỤC CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

Nguyễn Quang Tĩnh[1], Lã Ngọc Quang[2]

TÓM TẮT

Nghiên cứu cắt ngang toàn bộ văn bản, hồ sơ kết hợp phỏng vấn sâu cán bộ lãnh đạo y tế tuyến tỉnh, huyện và thảo luận nhóm với cán bộ y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai nhằm mục tiêu mô tả thực trạng cung cấp dịch vụ đào tạo y khoa liên tục của Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2019. Kết quả: Trong 5 năm (2015 – 2019), Bệnh viện đã cung cấp 31 chương trình đào tạo, 137 khóa tập huấn cho 5408 lượt cán bộ y tế với tỉ lệ chuyên môn - quản lý - kỹ năng mềm là 63,63% - 20,38% - 15,99%. Liên kết với các cơ sở đào tạo khác cung cấp 65 khóa tập huấn cho 4396 lượt CBYT. Số lượt học viên giảm dần theo từng năm. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ là: được ngân sách Nhà nước cấp kinh phí; có sự hợp tác với các cơ sở đào tạo liên tục khác; các cơ sở y tế trên địa bàn chưa thực sự quan tâm đến công tác đào tạo liên tục; năng lực đào tạo của Bệnh viện còn hạn chế.

Từ khóa: Đào tạo y khoa liên tục, cán bộ y tế, yếu tố ảnh hưởng, Bệnh viện đa khoa, Lào Cai.

SUMMARY

PHENOMENON OF PROVIDING CONTINUING MEDICAL EDUCATION SERVICE OF LAO CAI GENERAL HOSPITAL FROM 2015 TO 2019

This cross sectional study looks at all documents, records, in-depth interviews with province and district medical leaders as well as at group discussions with medical staff at Lao Cai General Hospital in order to describe the phenomenon of providing continuing medical education service of Lao Cai General Hospital for the period 2015 - 2019. Result: In 5 years (2015 - 2019), the hospital provided 31 education programs, 137 education courses for 5408 medical officers with the ratios of expertise - management - soft skills were 63.63% - 20.38% - 15.99%; cooperated with other training institutions to provide 65 education courses for 4396 medical officers. The number of trainees decreased gradually every year. Some of the factors affecting service supply are: funds from the State budget; cooperation with other continuing education institutions; not enough attention to continuing education of medical facilities in the area; limited training capacity of the Hospital.

Key words: Continuing medical education (CME), aedical officer, affecting factor, General hospital, Lao Cai.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đào tạo y khoa liên tục (ĐTLT) cho cán bộ y tế (CBYT) là các khóa đào tạo ngắn hạn, bao gồm: đào tạo bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ; cập nhật kiến thức y khoa liên tục và các khóa đào tạo chuyên môn nghiệp vụ khác cho CBYT [1] nhằm nâng cao năng lực để đáp ứng với tốc độ phát triển của khoa học công nghệ, mô hình bệnh tật thay đổi, nhu cầu về dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao.

Bệnh viện đa khoa (BVĐK) tỉnh Lào Cai là BVĐK hạng I, là bệnh viện (BV) duy nhất trên địa bàn tỉnh Lào Cai được Bộ Y tế cấp mã cơ sở ĐTLT cho CBYT từ năm 2014. BV đã cung cấp nhiều khóa ĐTLT cho đội ngũ CBYT của BV và của các cơ sở y tế (CSYT) khác thuộc tỉnh Lào Cai. Đến nay, chưa có đánh giá đầy đủ về việc cung cấp dịch vụ ĐTLT của BV. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả của dịch vụ ĐTLT của BV, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài ***"Thực trạng cung cấp dịch vụ đào tạo liên tục của Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 - 2019"*** với mục tiêu: 1) Mô tả thực trạng cung cấp các khóa ĐTLT của BVĐK tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 – 2019; 2) Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến ĐTLT của BVĐK tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 - 2019.

1. Trường Cao đẳng Lào Cai
2. Trường Đại học Y tế Công cộng
Tác giả chính: Nguyễn Quang Tĩnh; Điện thoại: 0912578287; Email: nqtinh.cdlc@gmail.com

Ngày nhận bài: 29/01/2021 | Ngày phản biện: 05/02/2021 | Ngày duyệt đăng: 20/02/2021

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế mô tả cắt ngang, kết hợp phân tích số liệu định lượng và định tính.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Tại BVĐK tỉnh Lào Cai, từ tháng 01/ 2020 đến tháng 10/ 2020.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu định lượng là toàn bộ các văn bản, hồ sơ, báo cáo, chương trình, tài liệu về hoạt động ĐTLT của BVĐK tỉnh Lào Cai trong 5 năm, giai đoạn 2015 - 2019.

Đối tượng nghiên cứu định tính: 7 thành viên tham gia thảo luận nhóm (TLN) là CBYT BVĐK tỉnh Lào Cai có thời gian công tác liên tục tại BV từ năm 2014 đến thời điểm nghiên cứu. Trả lời phỏng vấn sâu (PVS) gồm 3 lãnh đạo, quản lý Sở Y tế Lào Cai; lãnh đạo 3 BVĐK huyện và Phó giám đốc phụ trách ĐTLT của BVĐK tỉnh Lào Cai.

2.4. Biến số, nội dung nghiên cứu

Số lượt người tham dự các khóa ĐTLT hàng năm theo từng lĩnh vực của BVĐK tỉnh Lào Cai cung cấp; Chất lượng dịch vụ ĐTLT; Mức độ đáp ứng nhu cầu ĐTLT của các BV trên địa bàn; Yếu tố ảnh hưởng tới việc cung cấp dịch vụ ĐTLT của BV.

2.5. Xử lý và phân tích số liệu

Các số liệu định lượng được tổng hợp thống kê theo tần số và tỉ lệ. Thông tin định tính được gỡ băng và mã hóa, phân tích dữ liệu theo từng chủ đề, nội dung đã xác định. Các nội dung phù hợp sẽ được trích dẫn theo mục tiêu nghiên cứu.

2.6. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ qui trình xét duyệt của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y tế công cộng; được triển khai theo văn bản chấp thuận các vấn đề đạo đức nghiên cứu y sinh học số 288/2021/ YTCC-HD3 ngày 13/ 7/ 2020.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin cơ bản về điều kiện ĐTLT của BVĐK tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015-2019

BV được cấp mã cơ sở ĐTLT tại Quyết định số 172/ QĐ-K2ĐT ngày 16/10/2014 với mã C32.01. Cơ sở vật chất phục vụ ĐTLT của BV có 6 phòng học lý thuyết với đầy đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo; có đủ các phòng labo xét nghiệm vừa phục vụ hoạt động chuyên môn và đào tạo; tài liệu và nguồn kinh phí đáp ứng điều kiện để tổ chức các khóa ĐTLT.

BV có 38 giáo viên cơ hữu, 25 giáo viên thỉnh giảng có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, trong đó sau đại học chiếm đa số (68,4% với giảng viên cơ hữu, 56% giảng viên thỉnh giảng). 100% giáo viên có kinh nghiệm công tác từ 5 năm trở lên, đã được bồi dưỡng và có chứng chỉ sư phạm y học, chứng chỉ hành nghề khám chữa bệnh.

3.2 Thực trạng các khóa ĐTLT của BVĐK tỉnh Lào Cai cung cấp giai đoạn 2015 – 2019

3.2.1. Về cung cấp các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

Trong 5 năm (2015 – 2019), BVĐK tỉnh Lào Cai đã xây dựng 31 chương trình ĐTLT, trong đó trình Sở Y tế thẩm định, ban hành 4 chương trình; tổ chức 137 khóa với 5408 lượt học viên. Liên kết với các cơ sở ĐTLT khác tổ chức 65 khóa đào tạo với 4396 lượt học viên.

Bảng 1. Kết quả ĐTLT do BVĐK tỉnh Lào Cai thực hiện giai đoạn 2015 - 2019 theo lĩnh vực đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

Năm	Số lượng	Lĩnh vực đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng					
		Chuyên môn		Quản lý		Kĩ năng mềm	
		SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
2015	651	651	*100.00*	0	*0.00*	0	*0.00*
2016	1742	798	*45.81*	807	*46.33*	137	*7.86*
2017	1482	459	*30.97*	295	*19.91*	728	*49.12*
2018	1125	1125	*100.00*	0	*0.00*	0	*0.00*
2019	408	408	*100.00*	0	*0.00*	0	*0.00*
Cộng	**5408**	**3441**	***63.63***	**1102**	***20.38***	**865**	***15.99***

Bảng 1 cho thấy: Năm 2016 và 2017, BV tổ chức ĐTLT trên cả 3 lĩnh vực, các năm còn lại chỉ tổ chức các khóa ĐTLT về chuyên môn. Từ năm 2016, số lượng học viên giảm dần theo từng năm. Lĩnh vực chuyên môn có số lượng người được ĐTLT cao nhất là 3441 lượt người, chiếm 63,63%. Lĩnh vực kĩ năng mềm chiếm tỉ lệ thấp nhất là 15,99% với 865 lượt người.

Bảng 2. Thời gian đào tạo các khóa tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn của BVĐK tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 - 2019

Thời gian đào tạo theo tiết (ngày)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
≤ 8 tiết (01 ngày)	5	3,6
Từ > 8 tiết (01 ngày) đến dưới 24 tiết (03 ngày)	16	11,7
Từ 24 tiết (03 ngày) đến 40 tiết (05 ngày)	113	82,5
Trên 40 tiết (05 ngày)	3	2,2
Cộng	**137**	**100,0**

Bảng 2 cho thấy hầu hết các khóa đào tạo có thời gian từ 24 tiết (03 ngày) đến 40 tiết (5 ngày) với 113 khóa chiếm 82,5%.

Bảng 3. Kết quả lượng giá học viên trước và sau học của các khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng do BVĐK tỉnh Lào Cai thực hiện giai đoạn 2015 – 2019

Năm			2015	2016	2017	2018	2019
Tổng số			**651**	**1742**	**1482**	**1125**	**408**
Trước học	**Khá giỏi**	**Số lượng**	48	169	124	94	21
		Tỉ lệ (%)	*7,37*	*9,70*	*8,37*	*8,36*	*5,15*
	Trung bình	**Số lượng**	127	187	176	176	63
		Tỉ lệ (%)	*19,51*	*10,73*	*11,88*	*15,64*	*15,44*
	Chưa đạt	**Số lượng**	476	1386	1182	855	324
		Tỉ lệ (%)	*73.12*	*79,56*	*79,76*	*76,0*	*79,41*
Sau học	**Khá giỏi**	**Số lượng**	576	1586	1320	1013	357
		Tỉ lệ (%)	*88,48*	*91,04*	*89,07*	*90,04*	*87,5*
	Trung bình	**Số lượng**	75	156	162	112	51
		Tỉ lệ (%)	*11,52*	*8,96*	*10,93*	*9,96*	*12,5*
	Chưa đạt	**Số lượng**	0	0	0	0	0
		Tỉ lệ (%)	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*

Bảng 3 cho thấy: Trước khóa học, đa số học viên (73,12% - 79,76%) chưa đạt yêu cầu qua bài lượng giá. Tỉ lệ đạt mức khá, giỏi thấp (5,15% - 9,7%). Kết thúc khóa đào tạo, 100% học viên đạt yêu cầu trở lên, trong đó tỉ lệ khá, giỏi chiếm đa số (87,5% - 91,04%).

Chất lượng các khóa ĐTLT được đánh giá cao:

"Chất lượng các khóa ĐTLT do BV tổ chức được các CSYT khác trên địa bàn đánh giá cao, đáp ứng được nhu cầu của các CSYT cũng như người học" – PVS lãnh đạo Sở Y tế.

"Về hiệu quả, các khóa ĐTLT đã làm tốt việc cập nhật kiến thức và triển khai thực hiện các kiến thức, kĩ thuật tại các khoa, phòng của BVĐK M.*"* – PVS lãnh đạo BVĐK M.

3.2.2. Khả năng đáp ứng nhu cầu ĐTLT của các cơ sở y tế trên địa bàn

"Các khóa ĐTLT phù hợp với nhu cầu các đơn vị tuyến dưới. Số lượng các khóa ĐTLT chưa nhiều, chưa đáp ứng được nhu cầu của các đơn vị y tế trong toàn tỉnh" – PVS quản lý cấp phòng Sở Y tế.

"BVĐK tỉnh đáp ứng được nhiệm vụ ĐTLT... Tuy nhiên, số lượng, nội dung các khóa ĐTLT còn hạn chế và rất ít chưa đáp ứng được nhu cầu của BVĐK M., hiện mới đáp ứng được dưới 10% nhu cầu." – PVS lãnh đạo BVĐK M.

Các ý kiến trả lời phỏng vấn sâu cho thấy các khóa ĐTLT phù hợp với nhu cầu song số lượng, nội dung *các khóa ĐTLT chưa đáp ứng đủ so với* nhu cầu của các CSYT trên địa bàn.

3.3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới việc cung cấp dịch vụ ĐTLT 5 năm của BVĐK tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015 - 2019

3.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng tích cực, tạo thuận lợi

Thứ nhất: Có các văn bản của Nhà nước qui định, hướng dẫn hoạt động ĐTLT cho CBYT, đồng thời tạo nhu cầu ĐTLT của CBYT là rất lớn:

"Luật và các văn bản dưới luật đã qui định rõ việc đảm bảo thời gian ĐTLT tối thiểu đối với người hành nghề trong lĩnh vực KCB, đòi hỏi đội ngũ CBYT phải tuân thủ nên nhu cầu ĐTLT cho họ là rất lớn. Các văn bản qui định và hướng dẫn việc thực hiện công tác ĐTLT cho CBYT, nhất là Thông tư 22/2013 rõ ràng, cụ thể tạo thuận lợi cho các đơn vị, trong đó có BVĐK tỉnh triển khai thực hiện" - PVS lãnh đạo Sở Y tế.

"Nhu cầu ĐTLT của bệnh viện chúng tôi thì cũng còn rất lớn để đáp ứng với chuyên môn hiện nay"- PVS lãnh đạo BVĐK B.

Thứ hai, được sự quan tâm, tạo điều kiện của Sở Y tế:

"Sở Y tế quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện để các Bệnh viện tổ chức các khóa ĐTLT cũng như đề xuất với tỉnh cấp kinh phí cho các khóa đào tạo" – PVS lãnh đạo Sở Y tế.

Thứ ba, được ngân sách địa phương và các chương trình, dự án hỗ trợ kinh phí. Có đủ kinh phí để tổ chức các khóa ĐTLT:

"Giai đoạn 2015 – 2019, các lớp ĐTLT chúng tôi mở được ngân sách tỉnh hỗ trợ" – PVS lãnh đạo BVĐK tỉnh.

"Các lớp của chúng tôi được thực hiện sử dụng nguồn ngân sách tỉnh, kinh phí không nhiều, nhưng cũng tạm đủ chi trả cho giảng viên" – TLN đội ngũ quản lý và CBYT.

Thứ tư, BVĐK tỉnh có cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, mô hình bệnh tật đáp ứng điều kiện ĐTLT:

"BVĐK tỉnh là bệnh viện hạng I tuyến tỉnh với mô hình bệnh tật phong phú và đa dạng" - PVS lãnh đạo Sở Y tế.

"BVĐK tỉnh là BVĐK tuyến cao nhất trên địa bàn tỉnh có cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cán bộ có chất lượng và trình độ cao" - PVS quản lý cấp phòng Sở Y tế.

Thứ năm, có sự hợp tác, liên kết với các cơ sở ĐTLT khác:

"Chúng tôi phối hợp rất thường xuyên với Bệnh viện Bạch Mai, Việt Đức cũng như là một số các cơ sở khác trong lĩnh vực ĐTLT" - PVS lãnh đạo BVĐK tỉnh.

3.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng tiêu cực, gây khó khăn

Thứ nhất, các cơ sở y tế chưa thực sự quan tâm đến công tác đào tạo liên tục. Cơ quan quản lý Nhà nước chưa kiểm tra, giám sát chặt chẽ:

"Các đơn vị y tế trên địa bàn tỉnh chưa thực sự quan tâm tới công tác ĐTLT. Đặc biệt là việc thực hiện qui định theo Thông tư 22/2013/TT-BYT"– PVS quản lý cấp phòng Sở Y tế.

"Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai chưa thực sự quan tâm trong vấn đề phát triển thêm mã ĐTLT theo từng chuyên ngành" – PVS quản lý cấp phòng Sở Y tế.

"Công tác quản lý về ĐTLT trong việc duy trì Chứng chỉ hành nghề của cơ quan quản lý Nhà nước (Sở Y tế) chưa thật chặt chẽ nên các CSYT vẫn chưa tuân thủ một cách đầy đủ" – PVS lãnh đạo Sở Y tế.

"Cơ bản là khoảng bảy tám mươi phần trăm CBYT được cập nhật kiến thức 24 giờ trong một năm và các hình thức đào tạo" - PVS lãnh đạo BVĐK M.

"Chúng tôi cũng chưa đào tạo được hết cho cán bộ theo đúng qui định tại Thông tư 22/2013/TT-BYT về 48 giờ ĐTLT/ 2 năm" – PVS lãnh đạo BVĐK B.

Thứ hai, năng lực xây dựng nội dung ĐTLT của BV còn hạn chế, chưa có nhiều chuyên gia giỏi:

"Năng lực xác định nhu cầu, xây dựng chương trình, nội dung, tài liệu cho các khóa ĐTLT của BV còn hạn chế... Chưa có nhiều CBYT của BV đạt trình độ chuyên môn cao, chuyên gia giỏi nên chưa thực sự hấp dẫn đối với các CSYT khác" – PVS lãnh đạo Sở Y tế.

IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu chỉ ra trong 5 năm (2015-2019), BVĐK tỉnh Lào Cai đã tổ chức ĐTLT trên cả 3 lĩnh vực: chuyên môn, quản lý và kĩ năng mềm, không như nghiên cứu của Nguyễn Đắc Thuận tại BVĐK tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2018 hay BVĐK tỉnh Hậu Giang năm 2015 theo nghiên cứu của Trần Thanh Sơn chỉ tổ chức đào tạo chuyên môn [2], [3]. Lĩnh vực chuyên môn có số lượt người được ĐTLT cao nhất là 3441 chiếm 63,63% phù hợp tỉ lệ nhu cầu ĐTLT cao nhất là chuyên môn của CBYT cơ sở tỉnh Lào Cai theo nghiên cứu của Hoàng Quốc Hương (2008), Giàng Thanh Hoàng (2017) [4], [5] và Trần Thanh Sơn (2016) nghiên cứu thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến ĐTLT CBYT tại các BVĐK của tỉnh Hậu Giang năm 2015 [3].

BVĐK tỉnh Lào Cai đã tích cực liên kết, phối hợp với các cơ sở ĐTLT khác để cung cấp các khóa/lớp, nội dung ĐTLT đáp ứng nhu cầu của CBYT của chính BVĐK tỉnh và các CSYT khác trên địa bàn. Kết quả này tương đồng với cách làm của nhiều BVĐK tuyến tỉnh, nhất là BVĐK tỉnh Vĩnh Phúc theo kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Ngọc [6].

82,5% các khóa đào tạo có thời gian từ 24 tiết (03 ngày) đến 40 tiết (5 ngày) phù hợp với nhiều nghiên cứu đã chỉ ra 100% CBYT các tuyến có nhu cầu ĐTLT tối thiểu một lần/ năm với với thời gian từ 3 – 5 ngày [4], [5].

Kết quả lượng giá trước và sau khóa đào tạo tại bảng 3 cùng với các ý kiến trả lời PVS có thể nhận định ĐTLT của BVĐK tỉnh có chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu của các BVĐK tuyến dưới cao hơn so với nghiên cứu tại các bệnh viện y học cổ truyền tuyến tỉnh của Trịnh Yên Bình [7], nghiên cứu của Trần Thanh Bình và Nguyễn Thanh Hương tại BVĐK Đắc Nông [8] hay công tác đánh giá chất lượng vẫn còn mang tính hình thức theo nghiên cứu của Nguyễn Đắc Thuận tại BVĐK tỉnh Khánh Hòa [2].

Toàn bộ các khóa ĐTLT của BVĐK tỉnh Lào Cai được cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước là yếu tố thuận lợi hơn so với các BV khác trong hoạt động ĐTLT theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Ngọc [6]. Tuy nhiên, do BV chỉ tổ chức các khóa đào tạo được ngân sách nhà nước cấp kinh phí nên số lượng học viên được đào tạo phụ thuộc vào kinh phí. Vì vậy, số lượng ĐTLT giảm dần theo từng năm từ năm 2016. BVĐK tỉnh Lào Cai được Sở Y tế quan tâm, tạo điều kiện trong việc tổ chức thực hiện ĐTLT tương đồng với nhiều Sở Y tế các tỉnh theo nghiên cứu của Trịnh Yên Bình, Nguyễn Thị Kim Ngọc [6], [7].

Công tác quản lý việc duy trì chứng chỉ hành nghề chưa chặt chẽ như phát biểu của lãnh đạo Sở Y tế hoặc chưa xử lý CBYT không đảm bảo số giờ ĐTLT theo qui định giống như kết quả nghiên cứu của Nguyễn Đắc Thuận [2] nên các CSYT chưa thực sự quan tâm đến công tác ĐTLT cho CBYT. Đây là yếu tố gây khó khăn cho việc cung cấp dịch vụ ĐTLT của BV.

KẾT LUẬN

Giai đoạn 2015 – 2019, BVĐK tỉnh Lào Cai đã cung cấp dịch vụ ĐTLT trên 3 lĩnh vực với 31 chương trình đào tạo, 137 khóa với 5408 lượt học viên. Liên kết với các các cơ sở ĐTLT khác cung cấp 65 khóa đào tạo cho 4396 lượt học viên. Chất lượng ĐTLT được Sở Y tế và các BVĐK tuyến huyện đánh giá cao. Chưa đáp ứng được nhu cầu của các CSYT trên địa bàn về số lượng, nội dung ĐTLT.

Một số yếu tố ảnh hưởng tích cực đến cung cấp dịch vụ ĐTLT của BVĐK tỉnh Lào Cai là: có các văn bản qui định, hướng dẫn hoạt động ĐTLT cho CBYT cụ thể. Toàn bộ các lớp/ khóa ĐTLT được cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước. Có sự hợp tác và hỗ trợ từ các cơ sở ĐTLT tuyến trung ương. Yếu tố gây khó khăn cơ bản là các CSYT trên địa bàn chưa thực sự quan tâm đến công tác ĐTLT; Năng lực xây dựng nội dung, chương trình ĐTLT của BV còn hạn chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế, *Thông tư 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 về hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế*, 2013: Hà Nội.

2. Nguyễn Đắc Thuận, *Hoạt động tổ chức, quản lý đào tạo liên tục của Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2018 và một số yếu tố ảnh hưởng,* Luận văn Chuyên khoa II Tổ chức quản lý y tế, 2019, Trường Đại học Y tế công cộng: Hà Nội.

3. Trần Thanh Sơn, *Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo liên tục cán bộ Y tế tại các bệnh viện đa khoa của tỉnh Hậu Giang năm 2015*, 2016, Đại học Y tế Công cộng: Hà Nội.

4. Hoàng Quốc Hương, *Xác định nhu cầu đào tạo liên tục của đội ngũ y tế xã, phường tỉnh Lào Cai*, Luận văn Chuyên khoa I Tổ chức quản lý y tế, 2008, Trường Đại học Y tế Công Cộng: Hà Nội.

5. Giàng Thanh Hoàng, *Nhu cầu đào tạo liên tục của đội ngũ cán bộ y tế cơ sở tỉnh Lào Cai*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, 2017, Trường Trung học Y tế Lào Cai: Lào Cai.

6. Nguyễn Thị Kim Ngọc, *Nghiên cứu về đào tạo liên tục cho cán bộ y tế tại một số bệnh viện đa khoa trung ương và tuyến tỉnh/ thành phố tại Việt Nam giai đoạn 2014 – 2016,* Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng, 2017, Đại học Y tế Công cộng: Hà Nội.

7. Trịnh Yên Bình, *Thực trạng nhân lực, nhu cầu đào tạo liên tục cho cán bộ y dược cổ truyền và đánh giá hiệu quả một số giải pháp can thiệp,*Luận văn Tiến sỹ Y học, 2013, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương: Hà Nội.

8. Trần Thanh Bình và Nguyễn Thanh Hương, *Thực trạng nhân lực của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đak Nông và một số yếu tố liên quan,* Tạp chí Y học thực hành, 2014. 3(909): p. 74 - 77.